

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dong

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Bích Liễu
2. Bà Nông Thị Phương Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên tòa:*** bà Nông Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HS ngày 15/4/2021 đối với các bị cáo:

**Dương Văn V;** Sinh ngày 06 tháng 01 năm 1981 tại huyện K, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện S, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn P, sinh năm 1951 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1957; Vợ: Đào Thị L, sinh năm 1982; có 04 (bốn) con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị công an huyện Hòa An bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Lý Văn M;** Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1983; tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã M, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn P (đã chết) và bà Dương Thị X, sinh năm 1957; Vợ: Hoàng Thị H sinh năm 1982; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án; tiền sự: không.

Về nhân thân: Ngày 17/5/2019 có hành vi sử dụng các loại vũ khí, vật liệu, công cụ hỗ trợ trái quy định bị Công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 40/QĐ-XPHC ngày 06/9/2019 của công an huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng mức phạt là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và đã nộp tiền phạt ngày 17/9/2019.

Bị cáo bị công an huyện Hòa An bắt tạm giữ từ ngày 22/01/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn V: Bà Lý Thị N – Trợ giúp viên pháp lý Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- **Bị hại:** Anh Nông Văn T, sinh năm 1982; (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nông Mạc Duy C; sinh năm: 1992; (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

+ Anh Lê Quang T, sinh năm 1993. (Có mặt).

Nơi cư trú: Xóm X, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 28/12/2020, Dương Văn V và Lý Văn M gọi điện thoại hẹn gặp nhau tại chợ B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để cùng đi kiếm tiền. V xuống nhà Lý Văn D để rủ D đi cùng, D đồng ý và lấy xe máy chở V từ xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đến một quán tạp hóa ở chợ B, huyện N để chờ; lúc này M cũng đang một mình đi xe máy từ nhà ở xóm N, xã T, huyện B đến. Khoảng 10 giờ cùng ngày cả ba gặp nhau ở chợ B rồi cùng ngồi uống rượu, khi nghe M nói có một đàn trâu trên đồi T thuộc xã B, huyện H, thì tất cả cùng thống nhất đợi đến tối sẽ đi lấy trộm, sau đó V đã đi mua 02 sợi dây thừng (màu đỏ) mang theo. Khoảng 13 giờ cùng ngày thì V, M và D đã đi đến đoạn cầu T thuộc xã B, huyện H rồi ngồi nghỉ ở một quán nước để đợi trời tối.

Đến khoảng 18 giờ ngày 28/12/2020, khi trời bắt đầu tối M điều khiển xe máy đi trước dẫn đường, D đèo V theo sau đi vào xóm B, xã B, huyện H. Đi đến đoạn ngã ba B thì cả ba để xe máy ở lề đường rồi đi bộ khoảng 01 km đến khu vực chuồng trâu của anh Nông Văn T (sinh năm 1982, trú tại: xóm B, xã B, huyện H) và thấy có một vài con trâu đang thả rông ngoài chuồng. Sau khi đuổi bắt những con trâu này không được thì cả ba quay lại chuồng trâu của anh T, V đứng canh giới còn M, D rút thanh cây chắn cửa chuồng trâu bước vào bên trong, D dùng sợi dây thừng đã chuẩn bị sẵn xoắn vào mũi 01 con trâu rồi dắt ra ngoài. Lúc này V bước đi trước để dò đường, D dắt trâu còn M đi sau dùng sợi dây thừng còn lại đuổi trâu. Ra đến chỗ để xe máy M gọi điện cho Nông Mạc

Duy C (sinh năm 1992, trú tại: xóm N, xã M, huyện N) là người quen biết từ trước nói là có người nhờ gọi xe chở trâu và thỏa thuận với C “*nếu chở được xin họ cho anh 200.000đ*”, mục đích là để C không biết M cũng đang có mặt tại đó sẽ nghi ngờ là trâu lấy trộm, sau đó M chuyển số điện thoại của C cho V để V tự liên lạc. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi C lái xe ô tô tải màu trắng, biển kiểm soát: 11C - 042.74 đến theo lời hẹn thì M đi xe máy chở V ra cầu T để V chỉ đường cho xe ô tô vào chỗ giấu trâu còn M tránh mặt đi. Đưa được trâu lên xe ô tô, V ngồi theo xe để mang đi bán còn D ở lại sau đó cùng M đi đến khu vực Km8 đường Quốc lộ 3 Cao Bằng – Hà Nội ngồi đợi. Đến khoảng 23h50 cùng ngày V đã bán con trâu này cho anh Lê Quang T ở xóm Cao X, xã Q, huyện Q được 22.000.000đ (*Hai mươi hai triệu đồng*) sau đó lại cùng C đi xe ô tô quay lại ngồi ăn cháo tại ngã tư N, phường S, thành phố Cao Bằng. V dùng tiền bán trâu trả tiền cháo 110.000 đồng, trả tiền cước xe cho C 1.000.000đ, ngoài ra còn đưa thêm cho C 200.000đ nhờ C đưa cho M coi như là tiền công gọi xe giúp V như đã thỏa thuận trước. Ăn cháo xong V đi theo xe ô tô về đến km 8 đường Quốc lộ 3 Cao Bằng – Hà Nội thì xuống xe còn C tiếp tục lái xe về nhà ở xã M, huyện N. Sau khi C đi khỏi V gặp M, D rồi cùng nhau đi đến khu vực nhà máy gạch tuy nen N.P, xã H, thành phố C để chia số tiền bán trâu còn lại trước khi quay về nhà, cụ thể V được chia 7.000.000đ, M được chia 6.700.000đ và D được chia 6.900.000đ, còn 90.000đ tiền lẻ thì V giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đã trưng cầu định giá đối với con trâu mà Lý Văn M, Dương Văn V và Lý Văn D lấy trộm của anh Nông Văn T. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-ĐGTS, ngày 11/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Hòa An kết luận: “01 (một) con trâu cái 05 tuổi, màu đen, hai sừng thẳng, đã đẻ được 02 lứa, trâu nặng khoảng 330kg trị giá 27.390.000đ (*Hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*)”. Sau khi định giá con trâu này đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nông Văn T theo quy định của pháp luật.

Khi Dương Văn V bị khởi tố, cả Lý Văn M và Lý Văn D đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 22/01/2021 bị cáo Lý Văn M đã đến cơ quan Công an đầu thú, còn Lý Văn D cũng đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ra Quyết định truy nã nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có kết quả. Để đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ngày 17/3/2021 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An đã ra Quyết định tách vụ án để điều tra, xử lý sau đối với Lý Văn D.

Quá trình điều tra gia đình bị can Dương Văn V, Lý Văn M chủ động mang đến nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền mà các bị can được chia khi bán trâu để khắc phục hậu quả, cụ thể: Gia đình Dương Văn V nộp 7.000.000đ, gia đình Lý Văn M nộp 6.900.000đ; ngoài ra lái xe Nông Mạc Duy C cũng tự giác giao nộp số tiền 1.000.000đ là tiền công C nhận được khi chở thuê cho Dương Văn V. Tổng cộng số tiền nộp lại là 14.900.000đ.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSHA ngày 01/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An đã truy tố bị cáo Dương Văn V và Lý Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn V, Lý Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 173 BLHS.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, Điều 51; Điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Văn V: từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Điểm a, điểm m, khoản 1 Điều 52 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn M: từ 15 đến 18 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Mạc Duy C không có yêu cầu nên không xem xét.

Bị hại Nông Văn T yêu cầu bồi thường ngày công đi tìm trâu, những chi phí đó, tại phiên tòa, bị hại không có căn cứ để chứng minh nên không yêu cầu. Bị hại yêu cầu chi phí xe ô tô chở trâu là 1.300.000đ và tiền sữa cho con trâu con là 1.000.000đ. Tổng cộng là 2.300.000đ chia cho 3 người, mỗi người phải chịu 767.000đ.

- Xử lý vật chứng:

+ Đối với một con trâu cái 5 tuổi, màu đen, hai sừng thẳng, đã đẻ được hai lứa, trâu nặng khoảng 330kg, cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh T theo đúng quy định của pháp luật.

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màn hình cảm ứng, màu đen, gắn sim số: 0359.951.226; Số IMEI 1: 359013096555081/50; Số IMEI 2: 359013096635081/50; Số seri: E2MBA90218006467 đã qua sử dụng cho bị cáo Lý Văn M do bị cáo chỉ sử dụng điện thoại để gọi điện hẹn gặp V, không được trao đổi về việc trộm cắp tài sản (trâu) qua điện thoại.

+ Về số tiền mặt 14.900.000đ do Nông Mạc Duy C giao nộp; gia đình các bị cáo V và M nộp để khắc phục hậu quả: trả lại cho anh Lê Quang T số tiền trên (do xác định đây là tiền của anh T đã mua trâu với Dương Văn V, T không biết đây là trâu lấy trộm, việc mua trâu là ngay thẳng, đồng thời anh T cũng có yêu cầu được trả lại số tiền trên).

+ Chứng minh thư nhân dân đã tạm giữ của bị cáo M không phải là vật chứng của vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

**- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Dương Văn V**

Nhất trí với quan điểm Kiểm sát viên về việc truy tố bị cáo Dương Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Việc truy tố bị cáo

là có căn cứ vì bị cáo có hành vi trộm trâu của ông Nông Văn T nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

Tuy nhiên, về việc bị cáo V phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS thì không nhất trí vì tại phần tranh luận tại phiên tòa và biên bản hỏi cung thì nhận thấy các bị cáo không có sự bàn bạc và câu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo không phân công ai sẽ thực hiện nhiệm vụ gì.

Khi xem xét về mức hình phạt đối với bị cáo, cần căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, cụ thể:

Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, gia đình đông con nên khi có người rủ đi trộm cắp thì bị cáo đã nhất trí.

Về giá trị tài sản bị trộm là không lớn và tài sản bị trộm đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng.

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền có được do trộm cắp là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và bị cáo đã hối hận về hành vi của mình.

Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo V được hưởng tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đã đề nghị.

Mặt khác, đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS để bị cáo được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo M không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt; Bị cáo Dương Văn V đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Trong lời nói sau cùng của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo đã thực hiện, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó xác định được lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản; Khoảng 18 giờ ngày 28/12/2020, Dương Văn V, Lý Văn M và Lý Văn D đã cùng đi đến chuồng trâu của anh Nông Văn T tại xóm B, xã B, huyện H, và lấy trộm được 01 con trâu cái, sau đó thuê xe ô tô chở đi bán cho anh Lê Quang T ở xóm C, xã Q, huyện Q được 22.000.000đ mang về chia nhau để chi tiêu cho cá nhân. Con trâu này, qua định giá có giá trị là 27.390.000đ (*Hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

Hành vi của các bị cáo Dương Văn V và Lý Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo có sự liên kết, giúp đỡ nhau để thực hiện một cách thuận lợi hành vi phạm tội, có người tổ chức, người thực hành và người giúp sức, tạo điều kiện cho nhau thực hiện tội phạm.

Đối với bị cáo Dương Văn V, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã có sự bàn bạc và phân công cụ thể. Bị cáo là người chuẩn bị công cụ phạm tội là trực tiếp mua hai sợi dây thừng để thực hiện hành vi phạm tội và là người canh giới. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp, các bị cáo đã phân công bị cáo V khi trộm được thì sẽ là người trực tiếp đi bán trâu, với giá trị tài sản trộm cắp khá lớn. Xét nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại yêu cầu về hình phạt của bị cáo giải quyết theo quy định của pháp luật. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại Thông báo số 3626/VO6-P4 ngày 22/01/2021 của cục hồ sơ nghiệp vụ Bộ công an thông báo về việc trả lời yêu cầu tra cứu thông tin, kết quả tra cứu như

sau: Ngày 26/11/2020, bị công an xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đăng ký hồ sơ suu tra đối tượng Dương V có biểu hiện Trộm cắp tài sản. Số hồ sơ 15SN1219/20705D//1120/05. Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng để trừng trị, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Lý Văn M cùng các bị cáo trong vụ án này là đồng phạm bị cáo M với vai trò là người khởi xướng, biết nhà bị hại có đàn trâu nên đã lên kế hoạch bàn bạc rủ rê các bị cáo trước và là người cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi giúp cho các bị cáo thực hiện về hành vi phạm tội. Sau khi dắt được trâu ra chỗ để xe máy thì bị cáo M còn gọi điện cho anh C nói là có người nhờ gọi xe chở trâu, thỏa thuận với anh C “Nếu chở được xin họ cho anh 200.000đ” rồi chuyển số điện thoại của anh C cho V để tự liên lạc còn mình thì tránh mặt đi chỗ khác, mục đích là để anh C không biết M cũng đang có mặt tại đó, từ đó, che dấu hành vi phạm tội của mình. Điều này thể hiện sự tính toán kỹ lưỡng, tinh vi của bị cáo M khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 BLHS. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 17/5/2019 bị Công an huyện N, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 40/QĐ-XPHC ngày 06/9/2019 về hành vi sử dụng các loại vũ khí, vật liệu, công cụ hỗ trợ trái quy định. Mức xử phạt là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và bị cáo đã nộp tiền phạt xong ngày 17/9/ 2019, Tuy nhiên, xét đến ngày bị cáo phạm tội đã hết thời hiệu. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà bị cáo tiếp tục phạm tội, đây được thể hiện là sự không chấp hành pháp luật. Tại phiên tòa bị hại có đề nghị xử mức hình phạt cho bị cáo M theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã nộp tiền để khắc phục hậu quả và bị cáo ra đầu thú các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức và dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt được quy định tại điểm a, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, sau khi phạm tội xong bị cáo đã bỏ trốn. Căn cứ theo nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì không đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng để trừng trị, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Từ những phân tích trên, khi xem xét mức hình phạt Hội đồng xét xử cần nhắc xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Để đảm

bảo sự nghiêm minh của pháp luật cần áp dụng hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Liên quan đến vụ án này, ngoài bị cáo V, M ra còn có Lý Văn D cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau đó đã bỏ trốn khỏi địa phương và hiện nay không biết ở đâu nên Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định số 01 ngày 17/3/2021 về việc Quyết định tách vụ án hình sự đối với bị đối với Lý Văn D.

Ngoài ra, liên quan đến vụ án này còn có hai người khác là Nông Mạc Duy C và Lê Quang T: C là người đã lái xe ô tô đưa V đi bán trâu cho T, còn T là người mua trâu của V nhưng cả hai đều không biết đây là con trâu có được do trộm cắp. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa An không đặt vấn đề truy cứu trách nhiệm đối với Nông Mạc Duy C và Lê Quang T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản các bị cáo trộm cắp đã được cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho anh Nông Văn T tại Biên bản về việc trả lại Đồ vật, tài liệu ngày 05/01/2021 của Công an huyện Hòa An. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu các bị cáo phải thanh toán tiền xe chở trâu hai chiều là 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) và tiền sữa cho trâu nghé là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Tổng cộng là 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) Hai khoản này anh T đã chi phí ra trước do lỗi của các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội gây ra nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên, cả ba người cùng thực hiện nên cần chia ba người, mỗi người phải chịu 767.000đ (*Bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo V và bị cáo M thỏa thuận đến ngày 31/5/2021 sẽ thanh toán tiền cho anh T. Ngoài ra, anh T còn yêu cầu các bị cáo phải thanh toán tiền công cho những người đi tìm trâu nhưng không có căn cứ để chứng minh nên không yêu cầu.

[6] Về vật chứng:

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màn hình cảm ứng, màu đen, gắn sim số: 0359.951.226; Số IMEI 1: 359013096555081/50; Số IMEI 2: 359013096635081/50; Số seri: E2MBA90218006467 đã qua sử dụng của bị cáo Lý Văn M, bị cáo chỉ sử dụng điện thoại để gọi điện hẹn gặp V, không được trao đổi về việc trộm cắp tài sản (trâu) qua điện thoại nên không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoàn trả cho bị cáo.

+ Về số tiền mặt 14.900.000 đồng gồm:

Đối với Nông Mạc Duy C giao nộp số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) ngày 04/3/2021 đây là tiền do các bị cáo bán trâu mà có để chi trả tiền xe nên cần hoàn trả cho T là phù hợp với quy định của pháp luật. Nay anh C có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, không yêu cầu bồi thường dân sự nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.



Đối với số tiền mà gia đình các bị cáo V do anh La Văn S nộp số tiền 7.000.000 (*Bảy triệu đồng*), Hoàn trả cho anh Lê Quang T. ngoài ra, bị cáo đã chi ăn cháo là 110.000đ và số tiền lẻ không chia là 90.000đ, tổng cộng là 7.200.000đ. Buộc bị cáo V phải thanh toán cho anh Lê Quang T, địa chỉ: xóm C, xã Q, huyện Q, Cao Bằng số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) là tiền chi ăn cháo và tiền lẻ không chia.

Đối với số tiền bị cáo M do chị Hoàng Thị H nộp số tiền 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) để khắc phục hậu quả do các bị cáo trộm cắp, anh T không biết trâu do trộm cắp mà có cần hoàn trả cho anh Lê Quang T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Luận cứ của người bào chữa: Về tội danh và trách nhiệm dân sự là nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng là điểm a khoản 1 điều 52 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo có sự cấu kết, giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau để thực hiện hành vi phạm tội, có sự bàn bạc và phân công. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức đối với bị cáo V. Đối với yêu cầu của người bào chữa đề nghị được áp dụng điều 65 BLHS đối với bị cáo Dương Văn V là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Vì bị cáo đang có Thông báo số 3626/VO6-P4 ngày 22/01/2021 của cục hồ sơ nghiệp vụ Bộ công an thông báo về việc trả lời yêu cầu tra cứu thông tin, Kết quả tra cứu như sau: Ngày 26/11/2020, bị công an xã H, huyện N, tỉnh B đăng ký hồ sơ sơ tra đối tượng Dương Văn V có biểu hiện Trộm cắp tài sản. Số hồ sơ 15SN1219/20705D//1120/05. Để đảm bảo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tố tụng sau này nên không áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Dương Văn Vàng.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lý Văn Mạnh.

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn V, bị cáo Lý Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Dương Văn V 12 (*Mười hai*) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 04/01/2021.

- Bị cáo Lý Văn M 15 (*Mười năm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 22/01/2021.

### 3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Dương Văn V và Lý Văn M mỗi người phải bồi thường cho anh Nông Văn T, trú tại: xóm B, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền là 767.000đ (*Bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Bị cáo V và bị cáo M thỏa thuận đến ngày 31/5/2021 sẽ thanh toán tiền cho anh T.

Buộc bị cáo V phải thanh toán cho anh Lê Quang T, địa chỉ: xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) là tiền chi ăn cháo và tiền lễ không chia. Bị cáo V và bị cáo M thỏa thuận đến ngày 31/5/2021 sẽ thanh toán tiền cho anh T.

Hết thời hạn thỏa thuận nêu trên nếu bị hại ông Nông Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Dương Văn V không thi hành khoản tiền bồi thường dân sự nêu trên và bị cáo Lý Văn M không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng các bị cáo V, M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

### 4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hoàn trả cho anh Lê Quang T, địa chỉ: xóm Cao X, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng số tiền 14.900.000đ (*Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bị cáo Lý Văn M 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màn hình cảm ứng, màu đen, gắn sim số: 0359.951.226; Số IMEI 1: 359013096555081/50; Số IMEI 2: 359013096635081/50; Số sêri: E2MBA90218006467 đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng này hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2021.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; buộc các bị cáo Dương Văn V, Lý Văn M mỗi người phải nộp số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước và mỗi người 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát Hòa An;
- Công an huyện Hòa An;
- Thi hành án DS Hòa An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Dong**